

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 53



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 47 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	
Ông Adrian Teng	Thành viên	
Ông Mai Phước Nghệ	Thành viên	
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Bảo Quốc	Thành viên	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban
Ông Đặng Công Trực	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghệ	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61005161/19357308-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1



Lương Kim Diên An
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2736-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		38.496.762.168	34.768.113.901
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	450.085.202	989.892.637
111	1. Tiền		450.085.202	987.892.637
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		521.287.535	496.042.631
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	300.322.358	300.322.358
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	220.965.177	195.720.273
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.351.136.758	5.908.118.212
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	3.523.855.542	2.231.994.490
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	3.147.068.481	3.123.482.462
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	103.064.848	9.144.848
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.598.625.934	561.561.021
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(24.536.344)	(20.170.535)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		3.058.297	2.105.926
140	IV. Hàng tồn kho	11	27.570.776.776	26.463.181.213
141	1. Hàng tồn kho		27.642.648.117	26.969.467.719
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(71.871.341)	(506.286.506)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.603.475.897	910.879.208
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	18	135.151.851	230.228.138
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	22	1.423.645.555	643.038.556
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	44.678.491	37.612.514
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		22.041.083.881	19.180.866.115
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		148.511.845	124.210.364
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	10	30.827.949	16.497.949
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	117.933.896	107.887.415
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(250.000)	(175.000)
220	II. Tài sản cố định		8.454.171.155	8.156.397.042
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	4.131.441.618	4.164.513.802
222	Nguyên giá		7.534.682.717	6.851.174.419
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.403.241.099)	(2.686.660.617)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4.322.729.537	3.991.883.240
228	Nguyên giá		4.484.551.208	4.097.746.427
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(161.821.671)	(105.863.187)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	573.682.315	367.892.601
231	1. Nguyên giá		584.135.880	370.361.679
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(10.453.565)	(2.469.078)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		7.740.926.828	4.468.255.761
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	7.740.926.828	4.468.255.761
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		69.170.610	27.159.479
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	17.1	6.670.241	6.639.479
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.2	62.500.369	62.500.369
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	17.2	-	(41.980.369)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.054.621.128	6.036.950.868
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18	427.479.356	506.654.232
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	-	26.533.271
269	3. Lợi thế thương mại	19	4.627.141.772	5.503.763.365
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		60.537.846.049	53.948.980.016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		33.937.003.294	30.673.423.999
310	I. Nợ ngắn hạn		31.919.595.394	27.140.392.261
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	7.234.326.905	7.197.978.712
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	3.288.023.858	3.966.259.498
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	947.744.933	1.248.150.050
314	4. Phải trả người lao động		1.041.733	21.288.280
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	1.174.370.120	632.420.100
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.598.422	2.185.764
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	24	331.562.052	189.159.696
320	8. Vay ngắn hạn	25	18.879.411.048	13.794.837.965
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	26	51.455.001	85.489.362
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.061.322	2.622.834
330	II. Nợ dài hạn		2.017.407.900	3.533.031.738
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	40.718
333	2. Chi phí phải trả dài hạn		56.084	
337	3. Phải trả dài hạn khác	24	4.140.832	10.347.625
338	4. Vay dài hạn	25	1.676.612.332	3.125.880.082
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	301.223.736	378.868.208
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		35.374.916	17.895.105
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.600.842.755	23.275.556.017
410	I. Vốn chủ sở hữu		26.600.842.755	23.275.556.017
411	1. Vốn cổ phần	27.1	16.580.000.000	4.145.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.580.000.000	4.145.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	27.1	29.878.837	2.998.618.837
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	27.1	15.799.800	5.212.200
415	4. Cổ phiếu quỹ	27.1	-	(6.840.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.1	3.939.067	(1.534.881)
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.1	8.633.342.635	15.393.263.002
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.322.360.494	7.494.280.252
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		5.310.982.141	7.898.982.750
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27.6	1.337.882.416	741.836.859
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		60.537.846.049	53.948.980.016

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	49.701.516.909	59.241.099.024
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(53.177.778)	(77.861.312)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	49.648.339.131	59.163.237.712
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29, 33	(40.483.688.680)	(47.805.415.012)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.164.650.451	11.357.822.700
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	413.213.458	1.565.737.819
22	7. Chi phí tài chính	31	(910.345.614)	(1.104.926.653)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	31	(548.991.467)	(509.258.105)
24	8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết		30.762	(16.624.853)
25	9. Chi phí bán hàng	30, 33	(1.645.275.242)	(1.800.168.661)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30, 33	(1.651.947.616)	(1.508.242.094)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.370.326.199	8.493.598.258
31	12. Thu nhập khác	32	284.644.829	194.666.612
32	13. Chi phí khác	32	(190.223.925)	(157.528.159)
40	14. Lợi nhuận khác	32	94.420.904	37.138.453
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.464.747.103	8.530.736.711
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.2	(515.827.850)	(549.068.587)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	34.3	51.111.201	11.003.491
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.000.030.454	7.992.671.615
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		4.898.217.646	7.898.982.750
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		101.812.808	93.688.865
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	27.5	2.957	4.784
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	27.5	2.957	4.784

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Ngàn VND

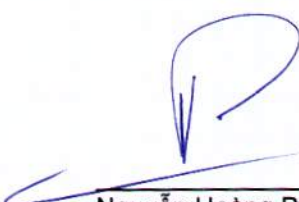
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.464.747.103	8.530.736.711
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12, 13, 14, 19	1.484.550.418	1.242.149.660
03	(Hoàn nhập) trích lập các khoản dự phòng		(505.989.086)	469.791.175
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		197.115.600	170.391.961
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		120.723.091	(720.834.019)
06	Chi phí lãi vay	31	548.991.467	509.258.105
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.310.138.593	10.201.493.593
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(1.410.080.417)	3.079.300.623
10	Tăng hàng tồn kho		(290.054.240)	(2.805.740.292)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(355.483.238)	3.720.235.556
12	Giảm chi phí trả trước		174.251.163	27.669.638
14	Tiền lãi vay đã trả		(962.715.716)	(1.308.798.818)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	34.2	(579.044.045)	(458.793.068)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.545.084)	(2.924.352)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.874.467.016	12.452.442.880
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(5.467.488.309)	(4.707.578.190)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		48.628.039	115.451.163
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho các đơn vị khác vay		(123.244.904)	(41.979.873)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		4.080.000	2.973.051
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(23.193.381)	(9.025.794.502)
27	Lãi tiền gửi và cho vay nhận được		19.658.510	17.693.744
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(5.541.560.045)	(13.639.234.607)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		22.500.000	1.357.424.200
33	Tiền thu từ đi vay		48.536.293.031	47.170.640.028
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(44.907.103.813)	(45.779.255.160)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	27.3	(2.485.935.561)	(1.244.882.217)
37	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(38.529.218)	(13.148.330)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.127.224.439	1.490.778.521
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(539.868.590)	303.986.794
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		989.892.637	685.888.556
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61.155	17.287
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	450.085.202	989.892.637


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch



Ngày 30 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch, và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 47 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 15.908 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 16.540).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 53 công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
1. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
2. Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải – KIA	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
3. Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp	Đang hoạt động	100
4. Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Cung cấp vật tư, thiết bị	Đang hoạt động	99,99
5. Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
6. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất và Lắp ráp Ô tô khách Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
7. Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100
8. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải - Bình Dương	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
9. Công ty TNHH Một thành viên Vận tải - Giao nhận - Phân phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Phân phối ô tô	Đang hoạt động	100
10. Công ty TNHH Sản xuất & Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
11. Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
12. Công ty TNHH Công nghệ Ô tô Soo Sung	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	75

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
13. Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Biển Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	Đang hoạt động	100
14. Công ty TNHH Một thành viên Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất thép	Đang hoạt động	100
15. Công ty TNHH Một thành viên Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
16. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
17. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải Nghệ An	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
18. Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Nội thất Thaco	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100
19. Trường Cao đẳng Nghề Chu Lai - Trường Hải	Đào tạo	Đang hoạt động	100
20. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sản xuất Điều Bông	Thương mại	Đang hoạt động	100
21. Công ty TNHH Một thành viên Phụ tùng Trường Hải	Mua bán phụ tùng ô tô	Ngưng hoạt động	100
22. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100
23. Công ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
24. Công ty TNHH Một thành viên Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ điện	Đang hoạt động	100
25. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải - Hà Nam	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
26. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất kính	Đang hoạt động	100
27. Công Ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Vận tải - Giao nhận - Phân phối	Đang hoạt động	100
28. Công Ty TNHH Một thành viên Huế Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
29. Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ô tô	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51
30. Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
31. Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Xây dựng	Đang hoạt động	100
32. Công ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	99,8



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
33. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải - Vĩnh Phúc	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
34. Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Điện Ô tô	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51
35. Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất keo dính	Đang hoạt động	100
36. Công ty TNHH Một thành viên Bắc Ninh Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
37. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100
38. Công ty TNHH Một thành viên Truyền thông Đa phương tiện Trường Hải	Quảng cáo	Đang hoạt động	100
39. Công ty TNHH Một thành viên Trường Phú	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
40. Công ty TNHH Sản xuất xe Chuyên dụng Thaco	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51
41. Công ty TNHH Trường Hải - Quảng Bình	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
42. Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh Kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100
43. Công ty TNHH Sản xuất Khuôn Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100
44. Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Xe tải Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
45. Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh Ô tô Vina	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51
46. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải Phú Yên	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	100
47. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất xe Bus Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
48. Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh ("DQM")	Mua bán bất động sản	Đang hoạt động	84,85
49. Công ty Cổ phần Trường Hải Đức Thành	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	77,5
50. Công ty TNHH Một thành viên Ô tô Sản xuất Thaco - Mazda	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100
51. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Máy lạnh Thaco	Sản xuất phụ tùng ô tô	Trước hoạt động	60
52. Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp Thaco	Sản xuất máy nông nghiệp	Trước hoạt động	100
53. Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Nhựa Thaco	Sản xuất phụ tùng ô tô	Trước hoạt động	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngân đồng Việt Nam ("ngân VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Tập đoàn là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Xe và hàng tồn kho liên quan

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|--|
| Hàng hóa và bộ linh kiện (CKD) | - | chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh đối với xe và CKD và theo phương pháp bình quân gia quyền đối với phụ tùng. |
| Nguyên vật liệu, phụ tùng, linh kiện và công cụ, dụng cụ (không bao gồm CKD) | - | chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng hóa bất động sản (tiếp theo)

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

3.6 Thuê tài sản

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bằng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được hao mòn theo số năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi quyền sử dụng đất lâu dài sẽ không được hao mòn.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà máy sản xuất và lắp ráp, phòng trưng bày, trung tâm thương mại xe, các dự án dưới hình thức hợp đồng xây dựng và chuyển giao, nhà cửa, vật kiến trúc và các chi phí trực tiếp khác của Tập đoàn mà các công trình này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Khu thương mại và tầng hầm	50 năm
----------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Trong năm, Tập đoàn đã soát xét và thay đổi thời gian phân bổ của lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đại Quang Minh ("DQM") từ 6,5 năm lên 10 năm dựa trên ước tính lợi ích kinh tế có được từ các dự án của công ty này trong tương lai.

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.16 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán VND của Tập đoàn được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp hàng hóa và dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu chuyển nhượng căn hộ, nhà phố và biệt thự

Đối với các căn hộ, nhà phố và biệt thự mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ, nhà phố và biệt thự đã được chuyển giao sang người mua.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.23 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	13.794.577	37.038.321
Tiền gửi ngân hàng	423.264.312	950.724.316
Tiền đang chuyển	13.026.313	130.000
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000
TỔNG CỘNG	450.085.202	989.892.637

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngàn VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư ủy thác vào cổ phiếu	<u>300.322.358</u>	<u>300.322.358</u>	<u>300.322.358</u>	<u>300.322.358</u>

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	<u>220.965.177</u>	<u>195.720.273</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc từ ba (3) tháng trở lên và không vượt quá một (1) năm, và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên khác	3.511.235.133	2.229.007.481
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 35</i>)	12.620.409	2.987.009
TỔNG CỘNG	3.523.855.542	2.231.994.490
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(19.471.496)	(15.105.687)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.504.384.046	2.216.888.803

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho nhà thầu xây dựng	1.533.470.810	1.073.508.401
Trả trước mua quyền sử dụng đất	699.236.447	628.531.969
Trả trước mua hàng hóa	538.495.604	307.442.092
Trả trước mua cổ phần	232.000.000	1.114.000.000
Trả trước đầu tư phòng trưng bày xe và tài sản	143.865.620	-
TỔNG CỘNG	3.147.068.481	3.123.482.462
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước mua cổ phần cho cổ đông cá nhân</i>	-	882.000.000
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu</i>		
<i>Tổng hợp Hà Nội</i>	170.000.000	170.000.000
<i>Các bên khác</i>	2.977.068.481	2.071.482.462

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ngọc Thy	98.000.000	-
Khác	5.064.848	9.144.848
TỔNG CỘNG	103.064.848	9.144.848
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.064.848)	(5.064.848)
GIÁ TRỊ THUẦN	98.000.000	4.080.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

9. PHẢI THU KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn	1.598.625.934	561.561.021
Tạm ứng cho nhân viên (i)	885.484.667	320.574.498
Phải thu bảo hiểm	360.148.334	-
Thuế nhập khẩu	143.229.955	19.369.103
Nộp tiền thuê đất vào ngân sách Nhà nước	106.456.247	98.886.678
Chi trả hộ	56.123.649	62.015.486
Ký quỹ mở thư tín dụng	19.520.787	13.176.456
Khác	27.662.295	47.538.800
Dài hạn	117.933.896	107.887.415
Ký quỹ, ký cược (ii)	117.933.896	107.887.415
TỔNG CỘNG	1.716.559.830	669.448.436
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	<i>1.716.515.477</i>	<i>669.396.315</i>
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	<i>44.353</i>	<i>52.121</i>

(i) Đây chủ yếu là các khoản tạm ứng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

(ii) Số dư này chủ yếu thể hiện khoản ký quỹ cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện Dự án Vùng Châu thổ phía Nam thuộc Khu Đô thị mới Thủ Thiêm.

10. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Cho các bên khác vay	<u>30.827.949</u>	<u>16.497.949</u>

Chi tiết khoản vay cho các bên khác vay như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hoàng Gia	15.977.949	5 năm từ ngày 31 tháng 12 năm 2014	Lãi suất thỏa thuận	Tín chấp
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Đức Thành	7.425.000	3 năm từ ngày 24 tháng 11 năm 2017	Lãi suất thỏa thuận	Tín chấp
Nguyễn Thị Phương Thành	7.425.000	3 năm từ ngày 24 tháng 11 năm 2017	Lãi suất thỏa thuận	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>30.827.949</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

11. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Bất động sản dở dang (i)	10.620.989.759	-	10.254.545.763	-
Thành phẩm	7.121.511.327	(8.334.002)	4.759.482.440	(458.606.436)
Hàng mua đang đi trên đường	3.438.826.288	-	4.561.824.829	-
Nguyên vật liệu	3.059.715.972	(13.688.701)	4.671.985.477	(9.320.212)
Hàng hóa	2.908.120.280	(49.848.638)	2.481.002.654	(38.359.858)
Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang	477.047.337	-	223.216.458	-
Công cụ, dụng cụ	16.437.154	-	17.410.098	-
TỔNG CỘNG	27.642.648.117	(71.871.341)	26.969.467.719	(506.286.506)

(i) Đây là bất động sản dở dang của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đại Quang Minh ("DQM") vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chi tiết như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng và chi phí khác liên quan trực tiếp tới dự án	5.683.972.236	5.219.744.878
Khu II	2.697.142.097	4.207.981.081
- Dự án Biệt thự (Saroma Villa)	1.800.460.854	2.074.867.394
- Dự án Sarica Condominium	872.927.996	1.123.191.628
- Dự án Nhà phố thương mại (Shophouse)	23.753.247	800.727.686
- Dự án Sarimi	-	209.194.373
Khu III	1.981.766.762	532.583.610
- Dự án Nhà phố thương mại (Sari Town)	891.708.190	355.415.113
- Dự án Sarina Condominium	755.385.705	163.823.966
- Dự án Biệt thự	334.672.867	13.344.531
Khu VI	1.005.063.377	479.180.187
- Dự án Sadora Apartment	987.011.895	462.947.335
- Dự án Savita	11.441.555	9.841.633
- Dự án Samera	6.609.927	6.391.219
Chi phí cơ sở hạ tầng và chi phí chung	2.628.273.435	2.324.369.964
Tiền sử dụng đất	2.268.928.350	2.694.353.480
Khác	39.815.738	16.077.441
TỔNG CỘNG	10.620.989.759	10.254.545.763

Như được trình bày tại Thuyết minh số 25, Tập đoàn đã sử dụng một số bất động sản dở dang của DQM để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	506.286.506	40.105.334
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	55.033.428	466.757.132
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(489.448.593)	(575.960)
Số cuối năm	71.871.341	506.286.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND					
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	2.964.571.254	3.098.379.029	620.962.106	110.613.801	56.648.229	6.851.174.419
Mua mới trong năm	60.692.146	179.064.560	32.816.479	19.346.950	1.857.684	293.777.819
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	387.186.909	204.685.182	18.950.533	226.505	14.304.450	625.353.579
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.920.315	1.383.584	333.549	181.229	-	6.818.677
Thanh lý	(82.162.365)	(83.883.585)	(15.156.072)	(2.366.296)	(484.729)	(184.053.047)
Giảm khác	(30.062.607)	(28.326.123)	-	-	-	(58.388.730)
Số cuối năm	<u>3.305.145.652</u>	<u>3.371.302.647</u>	<u>657.906.595</u>	<u>128.002.189</u>	<u>72.325.634</u>	<u>7.534.682.717</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	118.923.156	530.166.482	88.263.726	36.873.100	11.020.225	785.246.689
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(815.783.721)	(1.513.932.031)	(271.948.281)	(60.541.934)	(24.454.650)	(2.686.660.617)
Khấu hao trong năm	(272.425.125)	(458.692.584)	(54.727.322)	(22.306.970)	(11.506.209)	(819.658.210)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.237.401)	(1.069.990)	(280.800)	(124.453)	-	(2.712.644)
Thanh lý	56.160.146	36.946.490	10.409.397	1.854.797	419.542	105.790.372
Số cuối năm	<u>(1.033.286.101)</u>	<u>(1.936.748.115)</u>	<u>(316.547.006)</u>	<u>(81.118.560)</u>	<u>(35.541.317)</u>	<u>(3.403.241.099)</u>
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	<u>2.148.787.533</u>	<u>1.584.446.998</u>	<u>349.013.825</u>	<u>50.071.867</u>	<u>32.193.579</u>	<u>4.164.513.802</u>
Số cuối năm	<u>2.271.859.551</u>	<u>1.434.554.532</u>	<u>341.359.589</u>	<u>46.883.629</u>	<u>36.784.317</u>	<u>4.131.441.618</u>

Như được trình bày tại Thuyết minh số 25, Tập đoàn đã sử dụng một số tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND					
	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	2.833.712.811	1.208.882.268	27.579.097	421.178	27.151.073	4.097.746.427
Mua mới trong năm	-	-	9.727.997	-	-	9.727.997
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	42.646.903	318.420.951	-	-	-	361.067.854
Phân loại lại	(67.252.908)	67.252.908	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.330.639	-	28.776	-	2.649.515	16.008.930
Số cuối năm	<u>2.822.437.445</u>	<u>1.594.556.127</u>	<u>37.335.870</u>	<u>421.178</u>	<u>29.800.588</u>	<u>4.484.551.208</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	-	14.231.574	421.178	-	14.652.752
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	-	(67.100.963)	(16.248.669)	(421.178)	(22.092.377)	(105.863.187)
Hao mòn trong năm	-	(47.245.495)	(4.489.959)	-	(2.223.873)	(53.959.327)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(20.002)	-	(1.979.155)	(1.999.157)
Số cuối năm	-	<u>(114.346.458)</u>	<u>(20.758.630)</u>	<u>(421.178)</u>	<u>(26.295.405)</u>	<u>(161.821.671)</u>
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	<u>2.833.712.811</u>	<u>1.141.781.305</u>	<u>11.330.428</u>	-	<u>5.058.696</u>	<u>3.991.883.240</u>
Số cuối năm	<u>2.822.437.445</u>	<u>1.480.209.669</u>	<u>16.577.240</u>	-	<u>3.505.183</u>	<u>4.322.729.537</u>

Như được trình bày tại Thuyết minh số 25, Tập đoàn đã sử dụng một số tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bất động sản đầu tư cho thuê của DQM	<u>573.682.315</u>	<u>367.892.601</u>

Chi tiết bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Khu thương mại và tầng hầm</i>	
Nguyên giá:		
Số đầu năm		370.361.679
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		<u>213.774.201</u>
Số cuối năm		<u>584.135.880</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:		
Số đầu năm		(2.469.078)
Khấu hao trong năm		<u>(7.984.487)</u>
Số cuối năm		<u>(10.453.565)</u>
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		<u>367.892.601</u>
Số cuối năm		<u>573.682.315</u>

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	21.586.636	4.410.982
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	(12.954.384)	(4.176.220)

Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong *Thuyết minh số 36*.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách do hầu hết bất động sản đầu tư đã được cho thuê vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 418.005.575 ngàn VND (2016: 355.785.547 ngàn VND). Đây là chi phí đi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để tài trợ việc xây dựng và phát triển các dự án căn hộ, nhà phố và biệt thự thuộc Khu Đô thị Sala trong Khu Đô thị mới Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; và phát triển cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp ở Chu Lai, Tỉnh Quảng Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Dự án 4 tuyến đường (i)	2.094.970.249	2.626.075.081
Khu dự án phức hợp thương mại và văn phòng	1.802.577.460	727.622.056
Dự án Nhà máy Thaco - Mazda	1.275.631.130	-
Dự án Nhà máy Thaco - Bus	791.655.356	-
Dự án hệ thống phòng trưng bày xe	681.142.437	550.624.610
Dự án trường học	487.369.093	79.425.428
Dự án Nhà văn hóa	227.811.462	136.512.829
Dự án Cầu Thủ Thiêm 2 (ii)	106.396.150	53.427.493
Dự án Quảng trường Trung tâm và Công viên Bờ sông	20.951.406	10.241.920
Công trình Cảng Tam Hiệp	85.727.726	83.759.112
Mua máy móc và thiết bị	74.165.661	18.755.488
Dự án Khu Công nghiệp Cơ khí Ô tô Chu Lai - Trường Hải	-	47.812.434
Dự án cảng Chu Lai Trường Hải	-	61.715.964
Khác	92.528.698	72.283.346
TỔNG CỘNG	<u>7.740.926.828</u>	<u>4.468.255.761</u>

- (i) Đây là dự án xây dựng - chuyển giao ("BT") 4 tuyến đường chính trong Khu Đô thị mới Thủ Thiêm. Dự án này được thực hiện trên cơ sở Hợp đồng BT số 883/HĐ-UBND-M ký kết với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 1 tháng 12 năm 2014. Theo đó, Tập đoàn sẽ đầu tư xây dựng 4 tuyến đường chính đổi lại Tập đoàn sẽ được cấp đất với tổng diện tích 789.866 m² trong Khu Đô thị mới Thủ Thiêm để phát triển các dự án bất động sản khác. Tổng vốn đầu tư của dự án này là 8.265.157.000 ngàn VND.
- (ii) Dự án này được thực hiện trên cơ sở Hợp đồng BT số 409/HĐ-UBND-M ký kết với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19 tháng 6 năm 2015. Theo đó, Tập đoàn sẽ xây dựng Cầu Thủ Thiêm 2, đổi lấy quỹ đất với tổng diện tích 260.370 m² trong Khu Đô thị mới Thủ Thiêm, để phát triển các dự án bất động sản khác. Tổng vốn đầu tư của dự án này trị giá 3.082.471.741 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
		Ngàn VND
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 17.1</i>)	6.670.241	6.639.479
Đầu tư vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 17.2</i>)	62.500.369	62.500.369
TỔNG CỘNG	69.170.610	69.139.848
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(41.980.369)
GIÁ TRỊ THUẬN	69.170.610	27.159.479

17.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
	(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	50	4.500.000	50	4.500.000
Công ty TNHH Thương mại Vô xe Triều Hải	30	2.655.347	30	2.655.347
TỔNG CỘNG		7.155.347		7.155.347

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Số tiền
	Ngàn VND
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm và số cuối năm	7.155.347
Phần lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	(515.868)
Phần lãi từ công ty liên kết trong năm	30.762
Số cuối năm	(485.106)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	6.639.479
Số cuối năm	6.670.241

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	Giá gốc Ngàn VND	Số cổ phần	Giá gốc Ngàn VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)	3.727.800	62.500.369	3.420.000	62.500.369
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-		(41.980.369)
GIÁ TRỊ THUẦN		62.500.369		20.520.000

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	135.151.851	230.228.138
Công cụ và thiết bị đang dùng	55.114.761	50.127.967
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	24.160.364	137.165.992
Chi phí quảng cáo	12.275.922	3.662.104
Chi phí bảo trì và sửa chữa	10.255.980	8.897.571
Khác	33.344.824	30.374.504
Dài hạn	427.479.356	506.654.232
Tiền thuê nhà máy, văn phòng và mặt bằng	104.329.378	93.267.422
Công cụ, dụng cụ đang dùng	103.374.591	106.563.272
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	85.290.924	165.589.444
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	79.976.705	80.391.040
Chi phí đền bù	34.546.577	37.466.007
Khác	19.961.181	23.377.047
TỔNG CỘNG	562.631.207	736.882.370

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Ngàn VND
	Số tiền
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	6.193.408.503
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(689.645.138)
Hao mòn trong năm (*)	(602.948.394)
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con (**)	(273.673.199)
Số cuối năm	(1.566.266.731)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	5.503.763.365
Số cuối năm	4.627.141.772

(*) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3.11, Tập đoàn đã soát xét và thay đổi thời gian phân bổ của lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh DQM từ 6,5 năm lên 10 năm. Theo đó, giá trị phân bổ của lợi thế thương mại này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 602.948.394 ngàn VND, thấp hơn 328.123.752 ngàn VND so với việc tiếp tục phân bổ lợi thế thương mại 6,5 năm.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ/ĐQM ngày 25 tháng 9 năm 2017 của DQM, 650.000 cổ phiếu phổ thông phát hành thêm chỉ cho một cổ đông cá nhân, với giá phát hành 4.200.000 VND một cổ phiếu, tăng vốn điều lệ của DQM từ 4.200.000.000 ngàn VND lên 4.850.000.000 ngàn VND. Tuy nhiên, cổ đông cá nhân này chỉ mới góp một khoản tương đương với 255.000 cổ phiếu tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do vậy, phần trăm sở hữu của Công ty trong DQM đã giảm từ 90% xuống 84,85% vào thời điểm này. Theo đó, lợi thế thương mại trị giá 273.673.199 ngàn VND, tương ứng với phần trăm sở hữu giảm của Công ty trong DQM, đã được ghi nhận giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mazda Motor Corporation (*)	2.608.535.234	1.761.347.708
Kia Motors Corporation (*)	1.071.509.826	734.552.949
Foton International Trade Co., Ltd (*)	439.243.899	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Unicons	428.037.986	202.310.456
Changsha Foton Vehicle Technology Co., Ltd (*)	269.916.562	-
Các bên khác	2.417.083.398	4.499.767.599
TỔNG CỘNG	7.234.326.905	7.197.978.712

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng BNP Paribas Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên khác	3.258.333.270	3.796.171.381
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 35</i>)	29.690.588	170.088.117
TỔNG CỘNG	3.288.023.858	3.966.259.498

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế tiêu thụ đặc biệt	845.826.014	5.971.972.115	(6.106.380.914)	711.417.215
Thuế giá trị gia tăng	(499.107.639)	4.203.722.183	(5.068.514.997)	(1.363.900.453)
Thuế nhập khẩu	22.900.137	3.421.812.868	(3.441.242.517)	3.470.488
Thuế thu nhập doanh nghiệp	181.524.182	515.827.850	(579.044.045)	118.307.987
Khác	16.356.286	136.422.985	(142.653.621)	10.125.650
TỔNG CỘNG	567.498.980	14.249.758.001	(15.337.836.094)	(520.579.113)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu</i>	680.651.070			1.468.324.046
<i>Phải trả</i>	1.248.150.050			947.744.933

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng	529.349.136	151.920.992
Lương tháng 13	299.045.094	301.281.577
Mua nguyên vật liệu	235.124.295	48.574.036
Lãi vay	34.691.671	65.289.762
Chi phí bảo hiểm	34.303.284	25.818.534
Thuế nhà thầu và thuế khác	9.836.789	8.609.316
Chi phí vận chuyển	2.240.761	2.775.886
Khác	29.779.090	28.149.997
TỔNG CỘNG	1.174.370.120	632.420.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

24. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	331.562.052	189.159.696
Nhận tạm ứng từ công ty bảo hiểm	151.483.594	-
Chi phí bảo trì, duy tu và bảo dưỡng	84.548.090	42.091.443
Nhận ký quỹ, ký cược	41.691.312	47.397.738
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	25.438.915	22.467.985
Thu hộ	2.181.366	11.602.085
Cổ tức phải trả	1.949.463	1.336.978
Nhận tiền góp vốn	-	44.100.000
Phải trả liên quan đến dự án khoa học và công nghệ	-	6.565.199
Khác	24.269.312	13.598.268
Dài hạn	4.140.832	10.347.625
Nhận ký quỹ, ký cược	4.140.832	10.347.625
TỔNG CỘNG	<u>335.702.884</u>	<u>199.507.321</u>

25. VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	18.879.411.048	13.794.837.965
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 25.1)	16.141.027.590	11.927.996.936
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 35)	-	406.480.000
Vay từ bên khác (Thuyết minh số 25.2)	3.087.622	3.914.784
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25.3)	2.735.295.836	1.456.446.245
Dài hạn	1.676.612.332	3.125.880.082
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 25.3)	1.676.322.602	3.125.590.352
Vay từ bên khác	289.730	289.730
TỔNG CỘNG	<u>20.556.023.380</u>	<u>16.920.718.047</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Tập đoàn vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm Ngàn VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	3.240.452.503	6 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Một phần tín chấp và được thế chấp bằng tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 12)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	2.946.206.444	3 - 6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên Mizuho (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	1.343.007.864	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	1.152.573.761	150 ngày kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	1.136.013.333	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	1.103.269.790	6 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	994.952.184	1 năm kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tổng tài sản hình thành trong tương lai thuộc Khu nhà ở thấp tầng Khu III của Khu Đô thị mới Thủ Thiêm. Và tổng tài sản hình thành từ vốn vay của dự án Saluni, dự án Sarina và dự án Trường học quốc tế khu III thuộc Khu dân cư phía nam đường Mai Chí Thọ - Khu đô thị Thủ Thiêm.
Ngân hàng BNP Paribas Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	939.177.416	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Một phần tín chấp và được thế chấp bằng tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 12)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	648.772.375	4 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt - Chi nhánh Hồ Chí Minh Nam	621.737.072	3 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Citibank Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	556.611.524	3 - 4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt - Chi nhánh Quảng Nam	378.055.729	5 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Taipei Fubon Commercial Bank Co., Ltd. – Chi nhánh Hồ Chí Minh	289.320.615	180 ngày kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Quảng Nam	250.000.000	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Sài Gòn	169.313.780	1 năm kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tổng tài sản hình thành trong tương lai dự án Khu chung cư thấp tầng C1 trong Khu II của Khu Đô thị mới Thủ Thiêm và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CC 336492 và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với thửa đất
Shinhan Bank Korea	168.847.317	1 năm kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng Citibank Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	120.845.837	3 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
JPMorgan Chase Bank, N.A., - Chi nhánh Singapore	48.544.207	1 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Quảng Nam	33.325.839	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
TỔNG CỘNG	16.141.027.590			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Vay ngắn hạn từ bên khác

Chi tiết vay ngắn hạn tín chấp từ bên khác như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất</i>
Cá nhân	<u>3.087.622</u>	1 năm kể từ ngày nhận nợ vay	Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Không lãi suất

25.3 Vay ngân hàng dài hạn

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay dài hạn từ ngân hàng	<u>4.411.618.438</u>	<u>4.582.036.597</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	2.735.295.836	1.456.446.245
<i>Vay dài hạn</i>	1.676.322.602	3.125.590.352

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Tập đoàn vay các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ cho các dự án xây dựng khu công nghiệp, dự án BT, dự án trong Khu Đô thị mới Thủ Thiêm và bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm Ngân VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	1.896.246.797	60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Một phần tài sản hình thành từ vốn vay của Khu nhà thấp tầng (Khu II) - Khu dân cư phía nam đường Mai Chí Thọ - Khu Đô thị mới Thủ Thiêm
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.264.000.000</i>			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	1.442.917.756	60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Một phần tài sản hình thành trong tương lai của Khu nhà ở phức hợp, thương mại dịch vụ và bệnh viện quốc tế trong Khu VI của Khu Đô thị mới Thủ Thiêm
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>610.000.000</i>			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	693.675.974	24 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tài sản hình thành trong tương lai của Khu Nhà phố Thương mại trong Khu III của Khu Đô thị mới Thủ Thiêm
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>693.675.974</i>			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Sài Gòn	305.071.275	Thanh toán nhiều lần, lần đầu vào ngày 25 tháng 11 năm 2017	Lãi suất thị trường	Tổng tài sản hình thành trong tương lai dự án Khu chung cư thấp tầng Clock 1 trong Khu II của Khu Đô thị mới Thủ Thiêm
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>152.111.862</i>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	37.934.636	72 - 120 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tài sản cố định hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>10.800.000</i>			
Junbuk Bank – Chi nhánh Hàn Quốc	20.470.000	30 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>-</i>			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế	15.302.000	60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Quyền sử dụng đất và tài sản cố định hình thành từ vốn vay
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>4.708.000</i>			
TỔNG CỘNG	<u>4.411.618.438</u>			
<i>Trong đó:</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>2.735.295.836</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>1.676.322.602</i>			

26. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đây là khoản dự phòng chi phí bảo hành và bảo dưỡng cho xe ô tô đã bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	3.845.000.000	1.948.618.837	3.315.000	(6.840.000)	(3.116.081)	8.741.745.802	14.528.723.558
Tăng vốn trong năm	300.000.000	1.050.000.000	-	-	-	-	1.350.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	7.898.982.750	7.898.982.750
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(785.550)	(785.550)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(1.242.960.000)	(1.242.960.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	1.581.200	-	1.581.200
Khác	-	-	1.897.200	-	-	(3.720.000)	(1.822.800)
Số cuối năm	<u>4.145.000.000</u>	<u>2.998.618.837</u>	<u>5.212.200</u>	<u>(6.840.000)</u>	<u>(1.534.881)</u>	<u>15.393.263.002</u>	<u>22.533.719.158</u>



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Ngàn VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm nay							
Số đầu năm	4.145.000.000	2.998.618.837	5.212.200	(6.840.000)	(1.534.881)	15.393.263.002	22.533.719.158
Tăng vốn trong năm (*)	12.435.000.000	(2.984.400.000)	-	-	-	(9.450.600.000)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	15.660.000	-	6.840.000	-	-	22.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	4.898.217.646	4.898.217.646
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(2.486.280.000)	(2.486.280.000)
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong các công ty con	-	-	-	-	-	292.115.371	292.115.371
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.785.784)	(2.785.784)
Chênh lệch tỷ giá hối đổi	-	-	-	-	5.473.948	-	5.473.948
Khác	-	-	10.587.600	-	-	(10.587.600)	-
Số cuối năm	<u>16.580.000.000</u>	<u>29.878.837</u>	<u>15.799.800</u>	<u>-</u>	<u>3.939.067</u>	<u>8.633.342.635</u>	<u>25.262.960.339</u>

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 1.243.500.000 cổ phiếu phổ thông trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 03/2017/NQ-ĐHĐCĐ/THACO ngày 16 tháng 11 năm 2017. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 4.145.000.000 ngàn VND lên 16.580.000.000 ngàn VND và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai phê duyệt theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 4 tháng 1 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.2 Vốn cổ phần

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%
Cổ đông tổ chức	1.429.319.748	14.293.197.480	86,21	357.125.488	3.571.254.880	86,16
Cổ đông cá nhân	228.680.252	2.286.802.520	13,79	57.194.512	571.945.120	13,80
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	180.000	1.800.000	0,04
TỔNG CỘNG	1.658.000.000	16.580.000.000	100	414.500.000	4.145.000.000	100

27.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	4.145.000.000	3.845.000.000
Tăng vốn trong năm	12.435.000.000	300.000.000
Số cuối năm	<u>16.580.000.000</u>	<u>4.145.000.000</u>
Cổ tức		
Phát hành cổ phiếu thường	12.435.000.000	-
Cổ tức đã công bố bằng tiền	2.486.280.000	1.242.960.000
Cổ tức đã trả trong năm	2.485.935.561	1.244.882.217

27.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu đã được duyệt	1.658.000.000	414.500.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	1.658.000.000	414.500.000
Cổ phiếu phổ thông	1.658.000.000	414.500.000
Cổ phiếu quỹ	-	(180.000)
Cổ phiếu phổ thông	-	(180.000)
Cổ phiếu đang lưu hành	1.658.000.000	414.320.000
Cổ phiếu phổ thông	1.658.000.000	414.320.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.5 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông phổ thông (ngàn VND) (*)	4.898.217.646	7.898.982.750
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu) (**)	<u>1.656.684.877</u>	<u>1.651.262.623</u>
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.957	4.784

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm nào vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2017 do Tập đoàn chưa có kế hoạch trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho năm hiện tại.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại để phản ánh việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh số 27.1).

Không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

27.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	741.836.859	80.709.033
Lợi nhuận thuần trong năm	101.812.808	93.688.865
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong DQM	511.204.382	-
Tăng do hợp nhất DQM	-	573.475.952
Cổ tức đã công bố	(38.529.218)	(13.148.330)
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong các công ty con khác	<u>21.557.585</u>	<u>7.111.339</u>
Số cuối năm	<u>1.337.882.416</u>	<u>741.836.859</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngân VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	49.701.516.909	59.241.099.024
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe</i>	42.379.650.999	54.983.441.838
<i>Doanh thu chuyển nhượng căn hộ, nhà phố, nhà thương mại và biệt thự</i>	4.904.206.809	2.551.678.477
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.588.249.224	1.293.202.997
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	744.498.231	360.480.044
<i>Khác</i>	84.911.646	52.295.668
Các khoản giảm trừ doanh thu	(53.177.778)	(77.861.312)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(53.177.778)	(77.861.312)
Doanh thu thuần	49.648.339.131	59.163.237.712
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe</i>	42.338.866.461	54.907.626.036
<i>Doanh thu chuyển nhượng căn hộ, nhà phố, nhà thương mại và biệt thự</i>	4.897.352.954	2.551.678.477
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.582.733.580	1.293.202.997
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	744.474.489	359.236.589
<i>Khác</i>	84.911.647	51.493.613

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngân VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	396.975.388	775.688.433
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.240.826	5.383.116
Lãi cho vay	3.980.684	383.261
Lãi từ đánh giá lại khoản đầu tư trước đây - DQM	-	763.760.950
Cổ tức nhận được	-	15.364.367
Khác	16.560	5.157.692
TỔNG CỘNG	413.213.458	1.565.737.819

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của xe	35.591.648.251	44.571.776.291
Giá vốn chuyển nhượng căn hộ, nhà phố, nhà thương mại và biệt thự	3.339.801.174	2.095.818.688
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.271.500.166	946.040.294
Giá vốn của phụ tùng	209.810.095	142.515.810
Khác	70.928.994	49.263.929
TỔNG CỘNG	<u>40.483.688.680</u>	<u>47.805.415.012</u>

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	1.645.275.242	1.800.168.661
Chi phí lương	491.620.204	438.224.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	473.081.085	589.228.591
Chi phí giao xe	348.315.482	207.808.768
Phí hỗ trợ kĩ thuật	120.276.252	323.910.737
Chi phí bảo hành	101.750.231	115.332.576
Chi phí khấu hao	80.845.399	64.181.440
Chi phí khác	29.386.589	61.482.260
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.651.947.616	1.508.242.094
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	602.948.394	485.761.339
Chi phí lương	573.063.122	608.712.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.027.501	197.033.503
Chi phí khấu hao và hao mòn	144.853.827	82.940.411
Khác	133.054.772	133.794.490
TỔNG CỘNG	<u>3.297.222.858</u>	<u>3.308.410.755</u>

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi vay	548.991.467	509.258.105
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	367.817.847	532.842.994
(Hoàn nhập) trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào đơn vị khác	(41.980.369)	13.679.869
Khác	35.516.669	49.145.685
TỔNG CỘNG	<u>910.345.614</u>	<u>1.104.926.653</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

32. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Thu nhập khác	284.644.829	194.666.612
Thuế được hoàn	86.496.282	37.838.933
Thu nhập bán công cụ và thiết bị	49.160.391	35.057.112
Thu nhập từ dịch vụ đăng ký xe ô tô	39.703.833	65.383.153
Nhận phí hỗ trợ từ Mazda Motor Corporation và Kia Motor Corporation	41.980.038	-
Tiền bồi thường bảo hiểm	3.974.628	3.374.940
Cho thuê mặt bằng và văn phòng	693.793	5.934.336
Khác	62.635.864	47.078.138
Chi phí khác	(190.223.925)	(157.528.159)
Xóa sổ tài sản cố định	(107.340.727)	-
Lỗ từ thanh tài sản cố định	(29.634.636)	(47.432.822)
Giá vốn công cụ và thiết bị đã bán	(20.353.676)	(14.583.409)
Chi phí dịch vụ đăng ký xe ô tô	(2.193.018)	(5.995.882)
Giá vốn mặt bằng và văn phòng cho thuê	(540.108)	(1.126.100)
Tạm ứng nộp thuế theo Quyết định số 104/QĐ-CT	-	(63.491.884)
Khác	(30.161.760)	(24.898.062)
GIÁ TRỊ THUẬN	94.420.904	37.138.453

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí hàng hóa và phụ tùng	34.362.295.481	42.769.689.343
Giá vốn chuyển nhượng căn hộ, nhà phố, nhà thương mại và biệt thự	3.339.801.174	2.096.154.372
Chi phí nhân công	2.264.874.017	2.237.166.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.565.530.402	1.640.808.958
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.484.550.418	1.242.149.660
Khác	763.860.046	1.101.084.632
TỔNG CỘNG	43.780.911.538	51.087.053.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Tuy nhiên, phần lớn các công ty con của Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN tùy thuộc vào loại hình hoạt động kinh doanh và địa điểm hoạt động của các công ty con. Thuế suất thuế TNDN ưu đãi dao động từ 10% đến 20% và được miễn và/hoặc giảm thuế TNDN cho một số năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	525.219.829	505.413.605
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(9.391.979)	43.654.982
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(51.111.201)	(11.003.491)
TỔNG CỘNG	464.716.649	538.065.096

34.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của công ty mẹ và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của công ty mẹ và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế ước tính:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.464.747.103	8.530.736.711
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	(34.160.129)	(252.625.423)
Chi phí không được khấu trừ	469.993.388	372.870.583
Lãi do đánh giá lại khoản đầu tư trước đây - DQM	-	(763.760.950)
Lợi thế thương mại phân bổ	602.948.394	485.761.339
Thay đổi dự phòng hàng tồn kho	(402.145.740)	402.145.740
Thay đổi dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(71.826.108)	13.679.869
Lỗ tính thuế của các công ty con	42.226.459	35.599.951
(Lãi) lỗ của công ty liên kết	(30.762)	16.624.853
Thay đổi chi phí phải trả	11.519.067	-
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	151.561	323.592
Thù lao của Hội đồng Quản trị	1.462.500	2.400.000
Thuế được hoàn	(60.132.169)	-
Khác	(44.685.220)	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế và lỗ năm trước chuyển sang	5.980.068.344	8.843.756.265
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(48.058.498)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	5.980.068.344	8.795.697.767
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	746.228.426	803.622.811
Thuế TNDN được miễn/giảm	(221.008.597)	(298.209.206)
Thuế TNDN ước tính sau khi miễn giảm	525.219.829	505.413.605
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(9.391.979)	43.654.982
Chi phí thuế TNDN ước tính năm hiện hành	515.827.850	549.068.587
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	181.524.182	82.947.085
Tặng do mua mới công ty con	-	8.301.578
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(579.044.045)	(458.793.068)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	118.307.987	181.524.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận chưa thực hiện	10.475.306	10.304.199	171.107	(37.173.453)
Dự phòng khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	8.396.074	(8.396.074)	2.735.974
Dự phòng hàng tồn kho	-	19.776.067	(19.776.067)	19.776.067
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.300.156	1.301.311	(1.155)	139.973
Dự phòng đầu tư vào các công ty con	(19.213.528)	(13.244.380)	(5.969.148)	(1.247.342)
Lãi từ việc đánh giá lại tài sản của DQM vào ngày hợp nhất kinh doanh	(293.785.670)	(378.868.208)	85.082.538	26.772.272
TỔNG CỘNG	(301.223.736)	(352.334.937)	51.111.201	11.003.491
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	-	26.533.271		
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	(301.223.736)	(378.868.208)		

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hoàng Cường	Cổ đồng	Góp vốn	-	1.350.000.000
Cá nhân	Bên liên quan	Cho vay	26.500.000	406.480.000
		Hoàn trả nợ vay	432.980.000	-
		Tạm ứng tiền mua căn hộ	-	143.232.098
		Bán căn hộ	223.039.226	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Cá nhân	Bên liên quan	Bán hàng hóa	9.633.400	-
Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	2.987.009	2.987.009
			12.620.409	2.987.009
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Trả hộ	44.353	52.121
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Cá nhân	Bên liên quan	Tạm ứng tiền mua căn hộ	29.690.588	170.088.117
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Cá nhân	Bên liên quan	Vay	-	406.480.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thù lao	29.725.006	30.869.284

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

36. CÁC CAM KẾT

Cam kết cho thuê hoạt động – Nhóm Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê tối thiểu thu được trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	28.077.482	19.290.978
Từ 1 - 5 năm	138.169.589	85.507.316
Trên 5 năm	160.783.456	277.164.285
TỔNG CỘNG	327.030.527	381.962.579

Cam kết cho thuê hoạt động – Nhóm Công ty là bên thuê

Tập đoàn hiện đang thuê một số văn phòng, phòng trưng bày, mặt bằng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	41.522.927	40.693.340
Từ 1 đến 5 năm	90.858.863	109.771.809
Trên 5 năm	296.110.335	272.932.454
TỔNG CỘNG	428.492.125	423.397.603

Các cam kết về góp vốn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các cam kết góp vốn vào các công ty con với tổng giá trị là 4.419.135.186 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.411.694.714 ngàn VND).

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có các cam kết trị giá 7.507.249.457 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9.640.989.006 ngàn VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng và phát triển các phòng trưng bày và trung tâm thương mại xe, và phát triển các dự án của DQM.

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là sản xuất và lắp ráp xe ô tô, và kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

			Ngàn VND
	Sản xuất và lắp ráp xe ô tô	Kinh doanh bất động sản	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	56.605.495.023	2.557.742.689	59.163.237.712
Lợi nhuận bộ phận	10.900.808.171	457.014.529	11.357.822.700
<i>Đối chiếu:</i>			
Lợi nhuận kế toán trước thuế, doanh thu và chi phí tài chính	8.172.628.519	322.094.228	8.494.722.747
Doanh thu hoạt động tài chính	1.563.190.222	2.547.597	1.565.737.819
Chi phí tài chính	(1.104.146.107)	(780.546)	(1.104.926.653)
Phần lỗ trong công ty liên kết	(16.624.853)	-	(16.624.853)
Chi phí không phân bổ			(408.172.349)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			8.530.736.711
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Tài sản bộ phận	43.076.960.819	14.668.093.597	57.745.054.416
<i>Đối chiếu:</i>			
Tài sản không phân bổ			(3.796.074.400)
Tổng tài sản			53.948.980.016
Nợ phải trả bộ phận	20.968.461.538	10.173.676.277	31.142.137.815
<i>Đối chiếu:</i>			
Nợ phải trả không phân bổ			(468.713.816)
Tổng nợ phải trả			30.673.423.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau: (tiếp theo)

	Sản xuất và lắp ráp xe ô tô	Kinh doanh bất động sản	Ngàn VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	44.726.083.219	4.922.255.912	49.648.339.131
Lợi nhuận bộ phận	8.023.531.875	1.141.118.576	9.164.650.451
<i>Đối chiếu:</i>			
Lợi nhuận kế toán trước thuế, doanh thu và chi phí tài chính	5.506.556.428	963.819.559	6.470.375.987
Doanh thu tài chính	412.518.546	694.912	413.213.458
Chi phí tài chính	(902.734.108)	(7.611.506)	(910.345.614)
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	30.762	-	30.762
Lỗi khác	96.185.749	(1.764.845)	94.420.904
Chi phí không phân bổ			(602.948.394)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			5.464.747.103
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Tài sản bộ phận	40.836.655.896	18.022.540.758	58.859.196.654
<i>Đối chiếu:</i>			
Tài sản không phân bổ			1.678.649.395
Tổng tài sản			60.537.846.049
Nợ phải trả bộ phận	22.989.339.519	11.353.304.255	34.342.643.774
<i>Đối chiếu:</i>			
Nợ phải trả không phân bổ			405.640.480
Tổng nợ phải trả			33.937.003.294

38. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Vào ngày 2 tháng 2 năm 2017, một phần nhà máy sản xuất và lắp ráp ô tô của Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất và Lắp ráp Ô tô khách đã bị thiệt hại do hỏa hoạn. Tài sản bị thiệt hại chủ yếu là hàng tồn kho. Tập đoàn vẫn đang trong quá trình làm việc với Công ty Bảo hiểm BIDV để xác định tổng giá trị thiệt hại và hoàn tất các thủ tục cần thiết để nhận được tiền bồi thường. Tổng giá trị thiệt hại và giá trị bồi thường có thể nhận được từ công ty bảo hiểm là chưa xác định được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Tuy nhiên, công ty bảo hiểm đã chi tạm ứng một phần giá trị thiệt hại cho Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn sẽ được công ty bảo hiểm bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do hỏa hoạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM


Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Đỗ Thị Liên Chi
Người lập



Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2018